

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/LĐ-PT
Ngày 29/8/2019
V/v tranh chấp tiền trợ cấp thôi việc.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đắc Cường.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Nhàn;

Ông Nguyễn Công Lực.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Ngô Kim Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 11/2019/TLPT-LĐ ngày 07/8/2019 về việc “tranh chấp tiền trợ cấp thôi việc”.

Do Bản án lao động sơ thẩm số 01/2019/LĐ-ST ngày 20/5/2019 của Tòa án nhân dân thị xã TA, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11/2019/QĐXXPT-LĐ ngày 14/8/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Anh T, sinh năm 1979; Hộ khẩu thường trú: Thôn TĐ, xã NM, thị xã AN, tỉnh Bình Định; địa chỉ liên lạc: Khu phố 1, phường THT, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty CP SX - KD TM; địa chỉ: Khu phố HL, phường TG, thị xã TA, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lại Ngọc Th, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn TP, thị trấn TT, huyện TT, Thành phố Hà Nội (theo văn bản ủy quyền ngày 29/8/2019); có mặt.

3. *Người kháng cáo:* Công ty CP SX - KD TM; địa chỉ: Khu phố HL, phường TG, thị xã TA, tỉnh Bình Dương là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 28/10/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Anh T (sau đây gọi tắt là ông T) trình bày: Ông T làm việc tại Công ty CP SX - KD TM (sau đây gọi tắt là Công ty) từ ngày 04/12/2001 với thời gian thử việc 02 tháng. Đến tháng 01 năm 2002, Công ty với ông T ký hợp đồng lao động

thời hạn 06 tháng; tháng 7 năm 2002, Công ty ký tiếp hợp đồng lao động với thời hạn 01 năm. Sau đó cứ hết 01 năm, hai bên ký lại hợp đồng lao động. Ngày 01/3/2010, ông T với Công ty ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Đến ngày 25/9/2017, ông T nộp đơn xin thôi việc. Ngày 31/10/2017, Công ty đồng ý ký quyết định cho ông T thôi việc.

Khi bắt đầu vào Công ty làm việc, ông T làm việc với vị trí nhân viên kinh doanh; năm 2003 làm việc với chức vụ: Trưởng khu vực 6 (tương đương với chức vụ là Trưởng Chi nhánh). Năm 2006, ông T làm Trưởng Chi nhánh Nha Trang. Tháng 4 năm 2007, ông T làm Phó Phòng tiếp thị và đến tháng 7 năm 2007, làm Trưởng Phòng tiếp thị. Tháng 9 năm 2007, ông T làm Giám đốc tiếp thị; đến tháng 12 năm 2007 làm Giám đốc Kinh doanh tiếp thị. Trước khi nghỉ việc, ông T là Phó Tổng giám đốc của Công ty, phụ trách kinh doanh khu vực miền Nam và miền Trung.

Quá trình làm việc tại Công ty, ông T có rất nhiều mức lương vì thay đổi nhiều vị trí công việc nên ông T không nhớ rõ. Tuy nhiên, theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn ngày 01/3/2010 thì mức lương cơ bản của ông T là 5.800.000 đồng/tháng. Đến ngày 01/6/2017, Công ty ký phụ lục hợp đồng lao động với tổng mức thu nhập của ông T là 52.100.000 đồng/tháng, bao gồm tiền lương căn bản, các khoản phụ cấp và trợ cấp, cụ thể: Lương cơ bản: 7.500.000 đồng/tháng (đây là mức lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội cho ông T); các khoản phụ cấp (trách nhiệm, chức vụ, kiêm nhiệm), trợ cấp (com): 44.500.000 đồng/tháng; tiền thưởng: Không có. Mức lương trung bình sáu tháng liền kề trước khi ông T nghỉ việc là 52.100.000 đồng/tháng; lương và phụ cấp hàng tháng của ông T được trả bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của ông T tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương.

Trong thời gian làm việc tại Công ty, ông T có tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và Công ty đã đóng đầy đủ cho ông T. Quá trình làm việc, ông T không vi phạm Nội quy lao động, không bị kỷ luật. Sau khi nghỉ việc, ông T đã nhận đủ lương, các phụ cấp và trợ cấp theo thỏa thuận. Riêng tiền trợ cấp thôi việc, ông T chưa nhận do chưa thống nhất được với Công ty về mức lương làm căn cứ tính. Ông T với Công ty đã thỏa thuận nhưng không thành, nên ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo đơn khởi kiện, ông T yêu cầu Công ty phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc tương ứng với thời gian Công ty không đóng bảo hiểm thất nghiệp cho ông T (từ ngày 04/12/2001 đến 31/12/2009) với số tiền 212.872.500 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, ông T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu Công ty thanh toán cho ông T trợ cấp thôi việc số tiền 129.000.000 đồng, mức lương làm căn cứ tính tiền trợ cấp thôi việc là 47.305.000 đồng/tháng. Đây là mức lương ông T thực nhận của 06 tháng liền kề trước khi ông T nghỉ việc; mức lương này bao gồm tiền thu nhập theo ngày công (bao gồm cả lương cơ bản) và các phụ cấp: Trách nhiệm, chức vụ và kiêm nhiệm (không bao gồm tiền thưởng, hỗ trợ xăng xe, điện thoại, phương tiện đi lại, nghỉ lễ, sinh nhật, bệnh nghề nghiệp vì những khoản tiền này công ty đã có chế độ hỗ trợ riêng). Ngoài ra, ông T không yêu cầu gì khác.

* *Tại bản tự khai ngày 23/01/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty CP SX - KD TM (sau đây gọi tắt là Công ty) trình bày: Công ty CP SX - KD TM đăng ký thành lập lần đầu vào ngày 12/10/2005, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700321798, trụ sở: Khu phố HL,*

phường TG, thị xã TA, tỉnh Bình Dương; đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 27/7/2017. Quá trình hoạt động có sự thay đổi về bối cảnh, do Công ty TM thời điểm trước ngày 27/7/2017 đã bán cổ phần lại cho Công ty TM hiện nay, theo Hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán cổ phần phổ thông. Công ty TM mới hiện nay tiếp nhận và giữ nguyên tên gọi, cơ cấu hoạt động, tài chính, nhân sự như Công ty cũ, chỉ thay đổi về cổ đông và người đại diện theo pháp luật. Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 27/7/2017 trở về trước là bà Lưu Thị Diễm H, từ ngày 27/7/2017 đến nay là ông Nguyễn Thanh T1.

Bị đơn thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về quá trình làm việc, ký kết các hợp đồng lao động và công việc phải làm. Về vị trí làm việc, do Công ty mới là nhận chuyển giao từ Công ty cũ nên bị đơn chỉ xác định: Trước khi nghỉ việc, ông T là Phó Tổng giám đốc của Công ty phụ trách kinh doanh khu vực miền Nam và miền Trung, còn các chức vụ trước đó của ông T, Công ty không rõ vì ông T làm việc từ năm 2001, quá trình làm việc đã thay đổi nhiều vị trí. Lương của ông T được Công ty trả qua tài khoản tại Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh Bình Dương. Theo bảng lương Công ty đã trả cho ông T thể hiện như sau: Lương cơ bản là 7.500.000 đồng/tháng (đây là mức lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội cho ông T); thu nhập theo ngày công: 48.000.000 đồng/tháng; trợ cấp: Kiêm nhiệm 3.800.000 đồng/tháng và tiền cơm 300.000 đồng/tháng; không có phụ cấp và tiền thưởng. Tổng thu nhập trung bình 06 tháng liền kề trước khi ông T nghỉ việc là 52.100.000đồng/tháng. Sau khi trừ đi các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, công đoàn, thuế thu nhập thì mức lương thực tế ông T thực nhận hàng tháng là 47.305.000 đồng/tháng. Quá trình làm việc tại Công ty, ông T đã được Công ty đóng đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật, ông T không vi phạm Nội quy lao động của Công ty và không bị kỷ luật. Ông T tự nguyện xin thôi việc và được Công ty đồng ý theo Quyết định số 51/QĐ/2017 về việc “*chấm dứt hợp đồng lao động*” với ông T từ ngày 31/10/2017. Sau khi ông T nghỉ việc, ông T đã bàn giao công việc đầy đủ, đã nhận lại sổ bảo hiểm xã hội.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T Công ty không đồng ý, Công ty chỉ đồng ý thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho ông T theo biên bản ngày 29/6/2018 với số tiền 38.700.000 đồng (bao gồm: Trợ cấp thôi việc là 7.500.000 đồng/tháng x 9 năm x ½ tháng = 33.750.000 đồng và tiền hỗ trợ là 550.000 đồng/năm x 9 năm = 4.950.000 đồng). Ngoài ra, Công ty không còn ý kiến nào khác và không có yêu cầu phản tố đối với ông T.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số 01/2019/LĐ-ST ngày 20/5/2019 của Tòa án nhân dân thị xã TA đã căn cứ: Khoản 1 Điều 32, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 244, 266, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 36, Điều 37, Điều 48, Điều 90 của Bộ luật lao động 2012; điểm a khoản 5 Điều 4, Điều 21 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính Phủ “*quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động*”; Điều 4, khoản 1 Điều 8 Thông tư số 47/2015/TT-BLĐTBXH ngày 16/11/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội “*hướng dẫn thực hiện một số điều về hợp đồng lao động, kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ*”; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Anh T đối với bị đơn Công ty CP SX - KD TM về việc “*Tranh chấp về bồi thường trợ cấp thôi việc khi chấm dứt hợp đồng lao động*”.

2. Công ty CP SX - KD TM có trách nhiệm thanh toán cho ông Lê Anh T trợ cấp thôi việc số tiền 129.000.000 đồng (Một trăm hai mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án, thì còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí lao động sơ thẩm và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 31/5/2019, Công ty CP SX - KD TM có đơn kháng cáo một phần nội dung bản án sơ thẩm với lí do: Bản án sơ thẩm chưa thể hiện đúng bản chất của vụ việc, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Anh T; xem xét chấp nhận mức trợ cấp thôi việc của Công ty đối với ông Lê Anh T là 38.700.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, hai bên đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cung cấp thêm 02 quyết định về việc tiếp nhận công nhân để cho rằng Quyết định số 01/QĐ/2017 ngày 10/5/2017 về việc điều chỉnh thu nhập đối với ông Lê Anh T do bà Lưu Thị Diễm H ký là không có tính xác thực và không đúng thẩm quyền; đồng thời cho rằng: Tiền lương làm căn cứ tính trợ cấp thôi việc cho ông Lê Anh T là tiền lương đã đóng bảo hiểm xã hội cho ông T. Mức lương ông T đề nghị làm căn cứ tính trợ cấp thôi việc 47.305.000 đồng/tháng là không có cơ sở pháp lý, bởi lẽ: Ông T không phải người lao động do ông Nguyễn Thanh T1 là người đại diện theo pháp luật của Công ty hiện nay tuyển dụng; quá trình nhận bàn giao, ông T1 chỉ nhận bàn giao người lao động là ông T với Hợp đồng lao động ký ngày 01/3/2010, không nhận bàn giao Quyết định số 01/QĐ/2017 ngày 10/5/2017 về việc điều chỉnh thu nhập đối với ông T và Phụ lục hợp đồng số 111/PLHĐLĐ/17 ngày 01/6/2017. Theo thỏa thuận mua bán doanh nghiệp, khoản tiền trợ cấp thôi việc của ông T phát sinh trong thời gian từ ngày 04/12/2001 đến ngày 31/12/2009 thuộc trách nhiệm của cổ đông Công ty cũ là bà Lưu Thị Diễm H, ông T chỉ làm việc cho Công ty mới được 04 tháng. Căn cứ khoản 3 Điều 48 của Bộ luật Lao động; khoản 1, điểm a và b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 4, khoản 1 Điều 8 Thông tư số 47/2015/TT-BLĐTBXH ngày 16/11/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thì mức lương làm căn cứ tính trợ cấp thôi việc đối với trường hợp của ông T là 11.600.000 đồng/tháng (gồm lương cơ bản và trợ cấp), không bao gồm khoản tiền thu nhập theo ngày công 48.000.000đồng/tháng, khoản tiền thu nhập theo ngày công trên là phụ cấp về lương kinh doanh gắn với quá trình làm việc và kết quả thực hiện công việc của ông T. Do đó, bị đơn chỉ đồng ý trả trợ cấp thôi việc cho ông T theo mức lương 7.500.000 đồng/tháng x 9 năm x ½ tháng = 33.750.000 đồng; trợ cấp khác là 550.000 đồng/năm x 9 năm = 4.950.000 đồng; tổng cộng là 38.700.000 đồng. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng nêu trên.

Nguyên đơn ông Lê Anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với ý kiến của bị đơn và cho rằng: Sau khi hoàn tất thủ tục mua bán cổ phần, Công ty mới vẫn giữ nguyên cơ cấu hoạt động, nhân sự như trước đây. Nguyên đơn vẫn tiếp tục làm việc và được Công ty mới giữ nguyên chức vụ, mức lương và phụ cấp lương. Quyết định số 01/QĐ/2017 ngày 10/5/2017 về việc điều chỉnh thu nhập và Phụ lục hợp đồng lao động số 111/PLHĐLĐ/17 có hiệu lực từ 01/6/2017, phía Công ty cho rằng trong quá trình bàn giao hồ sơ về người lao động, Công ty cũ không bàn giao hai tài liệu này là không có cơ sở. Vì đến trước thời điểm nghỉ việc, nguyên đơn vẫn làm việc bình thường với vị trí công việc được giao và được trả lương đầy đủ như thời bà Lưu Thị Diễm H quản lý. Sau khi trừ các khoản đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, công đoàn, thuế thu nhập thì tiền lương thực nhận hàng tháng của nguyên đơn là 47.305.000 đồng. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Công ty, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định mức lương hàng tháng của ông T là 52.100.000 đồng, trong đó có 300.000 đồng tiền cơm. Bản án sơ thẩm xác định mức lương làm căn cứ tính trợ cấp thôi việc cho ông T là 51.800.000 đồng/tháng là có căn cứ. Tuy nhiên, ông T tự nguyện yêu cầu lấy mức lương thực lãnh 47.305.000 đồng/tháng để làm căn cứ tính trợ cấp thôi việc là đã có lợi cho phía Công ty nên Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận mức lương này là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Công ty kháng cáo một phần bản án sơ thẩm nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến trình bày tranh tụng của các đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giải quyết vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục: Đây là vụ án lao động về việc “*tranh chấp tiền trợ cấp thôi việc*”, việc Tòa án nhân dân thị xã TA thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét đơn kháng cáo của Công ty CP SX - KD TM được làm trong thời hạn luật định và Công ty đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

[3] Về nội dung: Nguyên đơn ông Lê Anh T và bị đơn Công ty đều thống nhất xác định ông T vào làm việc tại Công ty từ ngày 04/12/2001. Trong quá trình ông T làm việc tại Công ty, hai bên có ký kết hợp đồng lao động nhiều lần; đến ngày 01/3/2010, thì hai bên ký kết Hợp đồng lao động số 01/HĐLĐ/10 không xác định thời hạn (bút lục 23). Ngày 25/9/2017, ông T nộp đơn xin thôi việc và được Công ty chấp nhận theo Quyết định số 51/QĐ/2017 của Công ty về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Lê Anh T kể từ ngày 31/10/2017; chức vụ của ông T trước khi nghỉ việc là Phó Tổng giám đốc, mức lương là 52.100.000 đồng/tháng; sau khi trừ các khoản đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, công đoàn, thuế thu nhập cá nhân thì tiền lương thực lãnh hàng tháng của ông T là 47.305.000 đồng nên

theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây được xem là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Sau khi chấm dứt hợp đồng lao động với ông T, Công ty chỉ đồng ý thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho ông T theo mức lương cơ bản 7.500.000 đồng/tháng, không đồng ý thanh toán theo mức lương thực lãnh 47.305.000 đồng/tháng nên phát sinh tranh chấp.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty, nhận thấy: Công ty CP SX - KD TM tiền thân trước đây là Công ty TNHH SX & TM TM - Bình Dương, đi vào hoạt động từ năm 2001; Công ty chính thức đăng ký thành lập lần đầu ngày 12/10/2005 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700321798, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 27/7/2017; địa chỉ trụ sở chính tại: Khu phố HL, phường TG, thị xã TA, tỉnh Bình Dương. Sau khi có “*Hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán cổ phần phổ thông thuộc sở hữu của bên bán trong Công ty CP SX - KD TM*”, Công ty vẫn giữ nguyên tên gọi, mã số doanh nghiệp, cơ cấu tổ chức, tài chính, nhân sự như trước đây, chỉ thay đổi cổ đông của Công ty và người đại diện theo pháp luật từ ngày 27/7/2017, theo đó ông Nguyễn Thanh T1 là Tổng giám đốc làm người đại diện theo pháp luật của Công ty thay cho bà Lưu Thị Diễm H. Ông Lê Anh T làm việc tại Công ty trước thời điểm các bên tiến hành mua bán cổ phần, sau khi các bên mua bán cổ phần ông T vẫn tiếp tục làm việc tại Công ty cho đến ngày 31/10/2017 (tức sau khi các bên đã mua bán cổ phần) và Công ty vẫn trả lương cho ông T theo mức lương 52.100.000 đồng/tháng, cụ thể: Lương cơ bản là 7.500.000 đồng/tháng, thu nhập theo ngày công là 48.000.000 đồng/tháng, trợ cấp kiêm nhiệm là 3.800.000 đồng/tháng và cơm 300.000 đồng/tháng; sau khi đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, công đoàn, thuê thu nhập cá nhân thì tiền lương thực lãnh của ông T là 47.305.000 đồng/tháng. Chứng cứ thể hiện là Quyết định số 01/QĐ/2017 ngày 10/5/2017 “*về việc điều chỉnh thu nhập*” (bút lục 29); Phụ lục hợp đồng lao động số 111/PLHĐLD/17 có hiệu lực từ ngày 01/6/2017 (bút lục 21), được bà Lưu Thị Diễm H là Tổng giám đốc của Công ty tại thời điểm đó ký tên, đóng dấu; sao kê tài khoản của ông Lê Anh T tại Ngân hàng Vietcombank (bút lục 33-38); bảng lương của ông T từ tháng 01 đến tháng 7 năm 2017 do Công ty cung cấp (bút lục 100-106) và lời thừa nhận của người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại phiên tòa sơ thẩm. Do đó, việc Công ty cung cấp thêm 02 quyết định về việc tiếp nhận công nhân để cho rằng Quyết định số 01/QĐ/2017 ngày 10/5/2017 về việc điều chỉnh thu nhập đối với ông Lê Anh T do bà Lưu Thị Diễm H ký là không có tính xác thực và không đúng thẩm quyền; đồng thời, cho rằng: Sau khi mua cổ phần, cổ đông mới của Công ty không được bàn giao Phụ lục hợp đồng lao động số 111/PLHĐLD/17 đối với ông Lê Anh T là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ quy định tại Điều 48, Điều 90 của Bộ luật Lao động; Điều 21 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính Phủ “*quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động*”; Điều 4, khoản 1 Điều 8 Thông tư số 47/2015/TT-BLĐTBXH ngày 16/11/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội “*hướng dẫn thực hiện một số điều về hợp đồng lao động, kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ*” có căn cứ xác định: Tiền lương làm căn cứ tính trợ cấp thôi việc cho ông T là tiền lương theo ngày công lao động 48.000.000 đồng/tháng (trong đó: Lương cơ bản làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội là 7.500.000 đồng/tháng) + trợ cấp kiêm nhiệm 3.800.000 đồng/tháng = 51.800.000 đồng/tháng là có căn cứ. Tuy nhiên, do ông T yêu cầu lấy mức lương thực lãnh 47.305.000 đồng/tháng để làm căn cứ tính trợ cấp thôi việc trong thời gian từ ngày 04/12/2001 đến ngày 31/12/2009 là

hoàn toàn tự nguyện. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận lấy mức lương 47.305.000 đồng/tháng để tính trợ cấp thôi việc của 9 năm, mỗi năm làm việc là ½ tháng lương với tổng số tiền 212.872.500 đồng là đã có lợi cho Công ty. Việc Công ty kháng cáo yêu cầu lấy mức lương căn bản 7.500.000 đồng/tháng để làm căn cứ tính trợ cấp thôi việc cho ông T là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Do trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông Lê Anh T tự nguyện yêu cầu Công ty chỉ thanh toán số tiền trợ cấp thôi việc 129.000.000 đồng là có lợi cho Công ty nên Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận là hoàn toàn phù hợp.

[7] Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 01/2019/LĐ-ST ngày 20/5/2019 của Tòa án nhân dân thị xã TA. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên chấp nhận.

[8] Về án phí lao động phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của Công ty không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên Công ty phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty CP SX - KD TM.

2. Giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số 01/2019/LĐ-ST ngày 20/5/2019 của Tòa án nhân dân thị xã TA, tỉnh Bình Dương như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 32, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 244, 266, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 36, Điều 37, Điều 48, Điều 90 của Bộ luật lao động 2012; điểm a khoản 5 Điều 4, Điều 21 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính Phủ “*quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động*”; Điều 4, khoản 1 Điều 8 Thông tư số 47/2015/TT-BLĐTBXH ngày 16/11/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội “*hướng dẫn thực hiện một số điều về hợp đồng lao động, kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ*”; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. 1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Anh T đối với bị đơn Công ty CP SX - KD TM về việc “*Tranh chấp về bồi thường trợ cấp thôi việc khi chấm dứt hợp đồng lao động*”.

2. 2. Công ty CP SX - KD TM có trách nhiệm thanh toán cho ông Lê Anh T trợ cấp thôi việc số tiền 129.000.000 đồng (Một trăm hai mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án, thì còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. 3. Án phí lao động sơ thẩm: Công ty CP SX - KD TM phải chịu 3.870.000 đồng (Ba triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Án phí lao động phúc thẩm: Công ty CP SX - KD TM phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0035485 ngày 18/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TA.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND thị xã TA;
- Chi cục THADS thị xã TA;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, Tòa LD, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Đắc Cường
(Đã ký)**